

*Quảng Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Thông tin chung về học phần:

-Tên học phần:QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Tên tiếng Anh: BUSINESS ADMINISTRATION)

- Mã số học phần: LUQTKD.076

- Số tín chỉ: 02

Số giờ tín chỉ: 30 (*trong đó:lý thuyết:30, bài tập:0*)

- Ngành học: Luật

- Loại học phần: Tự chọn

- Bộ môn phụ trách: Luật

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Phan Thị Thu Hiền

Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: 1. ThS. Phùng Thị Loan

2. ThS. Nguyễn Hoàng Thủy

**2. Điều kiện tiên quyết:** Luật thương mại Việt Nam 1,2

**3. Mục tiêu của học phần:**

+ ***Về kiến thức***

Cung cấp những kiến thức cơ bản của Quản trị kinh doanh. Môn học hướng tới cung cấp những kiến thức quan trọng nhằm giúp sinh viên am hiểu pháp luật về quản trị kinh doanh, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của cử nhân Luật theo chuẩn đầu ra của ngành.

+ ***Về kỹ năng***

Giúp người học có kỹ năng đánh giá, lý giải một cách khoa học các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh.

+ ***Về thái độ***

Giúp người học có thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề hôn nhân và gia đình, có ý thức tuyên truyền, phổ biến và giải thích pháp luật trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

#### 4. Chuẩn đầu ra học phần:

| Mã CDR | Nội dung chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        | <i>Về kiến thức</i>                                                                                                                                                                                                                                                |
| CDR1   | Người học hiểu được các vấn đề lí thuyết cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh, môi trường kinh doanh.                                                                                                                                                                  |
| CDR2   | Người học hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến nhà quản trị. Các kĩ năng, phong cách và các thức của quản trị trong kinh doanh.                                                                                                                                |
| CDR3   | Người học áp dụng được cách tạo lập doanh nghiệp. Nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh, giúp lựa chọn hình thức pháp lý và xây dựng triết lý kinh doanh. Hiểu các lựa chọn chủ yếu và cách xây dựng bộ máy quản trị hiệu quả.                                 |
| CDR4   | Người học hiểu được quá trình quản trị sản xuất. Hiểu khái lược, từ đó xây dựng kế hoạch sản xuất. Tìm kiếm công cụ hỗ trợ lập kế hoạch và phối hợp sản xuất. Hiểu được và nắm rõ một số phương pháp điều chỉnh .                                                  |
| CDR5   | Người học hiểu và vận dụng được các vấn đề về quản trị nhân lực. Hiểu được khái lược và một số lí thuyết liên quan. Phân tích và thiết kế công việc, từ đó lập kế hoạch nguồn nhân lực. Tuyển dụng nhân lực hiệu quả và đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực đó. |
| CDR6   | Người học nắm được các cách thức quản trị sao cho chất lượng. Từ chất lượng của sản phẩm, khái lược, hiểu cách xây dựng hệ thống quản trị định hướng chất lượng. Và bổ sung một số kĩ thuật quản trị chất lượng.                                                   |
| CDR7   | Người học hiểu rõ các vấn đề trong quản trị công nghệ, về khái lược. Vấn đề trong quản trị nghiên cứu và phát triển, lựa chọn để đổi mới công nghệ. Các quy phạm quá trình kĩ thuật và tiêu thụ, bồi dưỡng và sửa chữa.                                            |
| CDR8   | Người học hiểu được các vấn đề trong quản trị cung ứng nguyên vật liệu. Xác định thị trường, lựa chọn cung cấp, xây dựng quản trị.                                                                                                                                 |
| CDR9   | Người học hiểu được các vấn đề trong quản trị tiêu thụ. Xây dựng quản trị, xây dựng chính sách tiêu thụ và tổ chức bán hàng.                                                                                                                                       |
| CDR10  | Người học hiểu được các vấn đề trong quản trị các tài chính. Đa dạng hóa nguồn cung, hoạt định tài chính, phân tích tài liệu.                                                                                                                                      |

|       |                                                                                                                                                                             |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CDR11 | Người học hiểu được các vấn đề trong quản trị sự thay đổi. Các nội dung chủ yếu, quá trình phát triển và tổ chức.                                                           |
| CDR12 | Người học hiểu được các vấn đề trong tính toán kết quả và chi phí. Các khái niệm cơ sở, khái lược kế toán tài chính, chi phí kinh doanh, quản trị cung ứng nguyên vật liệu. |
| CDR13 | Người học hiểu được các vấn đề trong hiệu quả kinh doanh. Về bản chất, phân tích các nhân tố ảnh hưởng và biện pháp để nâng cao.                                            |
|       | <b><i>Về kỹ năng</i></b>                                                                                                                                                    |
| CDR14 | Người học có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các văn bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh để đưa ra cách giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh.                      |
| CDR15 | Người học có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.    |
|       | <b><i>Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i></b>                                                                                                               |
| CDR16 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề hôn nhân và gia đình.                                                                                                     |

### **5. Mô tả vấn đề nội dung học phần:**

Học phần Quản trị kinh doanh tổng hợp nghiên cứu tổng quan về khái lược về quản trị kinh doanh, nhà quản trị, tạo lập doanh nghiệp, quản trị sản xuất, quản trị nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị các tài chính, quản trị sự thay đổi, tính toán kết quả và chi phí hiệu quả kinh doanh.

### **6. Nội dung chi tiết học phần**

## **CHƯƠNG 1 KHÁI LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

### **1.1. Doanh nghiệp**

#### **1.1.1. Khái niệm**

#### **1.1.2. Phân loại doanh nghiệp**

### **1.2. Môi trường kinh doanh**

#### **1.1.1. Khái niệm**

#### **1.2.2. Đặc trưng cơ bản của môi trường kinh doanh hiện nay**

### **1.3. Quản trị kinh doanh**

#### **1.3.1. Khái niệm**

#### **1.3.2. Nguyên tắc quản trị**

#### **1.3.3. Phương pháp quản trị**

#### **1.3.4. Quản trị kinh doanh truyền thống và hiện đại**

### **1.4. Các trường phái lý thuyết quản trị kinh doanh**

- 1.4.1. Khái lược về lý thuyết quản trị kinh doanh
- 1.4.2. Các trường phái lý thuyết quản trị kinh doanh

## **CHƯƠNG 2 NHÀ QUẢN TRỊ**

- 2.1. Kỹ năng quản trị
  - 2.1.1. Nhà quản trị
  - 2.1.2. Các kỹ năng quản trị
- 2.2. Phong cách quản trị
  - 2.2.1. Khái niệm và thực chất
  - 2.2.2. Các phong cách quản trị chủ yếu
- 2.3. Nghệ thuật quản trị
  - 2.3.1. Khái quát
  - 2.3.2. Phân loại
  - 2.3.3. Một số nghệ thuật quản trị con người

## **CHƯƠNG 3 TẠO LẬP DOANH NGHIỆP**

- 3.1. Nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh
  - 3.1.1. Sự cần thiết
  - 3.1.2. Nghiên cứu các cơ hội kinh doanh
  - 3.1.3. Nghiên cứu các điều kiện môi trường
- 3.2. Lựa chọn hình thức pháp lý và xây dựng triết lý kinh doanh
  - 3.2.1. Các hình thức pháp lý doanh nghiệp
  - 3.2.2. Sự cần thiết phải lựa chọn hình thức pháp lý của doanh nghiệp
  - 3.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc lựa chọn hình thức pháp lý của DN
  - 3.2.4. Xây dựng triết lý kinh doanh
- 3.3. Các lựa chọn chủ yếu khi thiết kế hệ thống sản xuất
  - 3.3.1. Khái niệm và các yêu cầu chủ yếu
  - 3.3.2. Một số lựa chọn cần thiết
- 3.4. Xây dựng bộ máy quản trị
  - 3.4.1. Khái lược
  - 3.4.2. Các hệ thống tổ chức doanh nghiệp

## **CHƯƠNG 4 QUẢN TRỊ SẢN XUẤT**

- 4.1. Khái lược
  - 4.1.1. Mục tiêu của quá trình sản xuất
  - 4.1.2. Quản trị quá trình sản xuất
- 4.2. Xây dựng kế hoạch sản xuất
  - 4.2.1. Khái quát về kế hoạch hóa sản xuất
  - 4.2.2. Công cụ hỗ trợ xây dựng kế hoạch sản xuất
- 4.3. Công cụ hỗ trợ lập kế hoạch và phối hợp sản xuất
  - 4.3.1. Với DN đa sản xuất

- 4.3.2. Với DN sản xuất đơn chiếc
- 4.4. Một số phương pháp điều chỉnh
  - 4.4.1. Phương pháp Kanban
  - 4.4.2. Phương pháp OPT
  - 4.4.3. Phương pháp JIT

## **CHƯƠNG 5 QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

- 5.1. Khái lược
  - 5.1.1. Đặc điểm của nhân tố lao động
  - 5.1.2. Khái niệm về quản trị nhân lực
  - 5.1.3. Nội dung của quản trị nhân lực
  - 5.1.4. Đặc trưng cơ bản của quản trị nhân lực
  - 5.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng
- 5.2. Phân tích và thiết kế công việc
  - 5.2.1. Phân tích công việc
  - 5.2.2. Thiết kế công việc
- 5.3. Lập kế hoạch nguồn nhân lực
  - 5.3.1. Khái lược
  - 5.3.2. Quy trình
- 5.4. Tuyển dụng nhân lực
  - 5.4.1. Khái lược
  - 5.4.2. Nguồn tuyển dụng
- 5.5. Đào tạo bồi dưỡng phát triển
  - 5.5.1. Đào tạo và phát triển
  - 5.5.2. Phát triển đội ngũ lao động
- 5.6. Tạo động lực lao động
  - 5.6.1. Khái lược
  - 5.6.2. Tạo động lực vật chất- thù lao động
  - 5.6.3. Tạo động lực tinh thần

## **CHƯƠNG 6 QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG**

- 6.1. Chất lượng sản phẩm
  - 6.1.1. Khái niệm và đặc điểm
  - 6.1.2. Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng
  - 6.1.3. Các nhân tố tác động đến chất lượng
- 6.2. Khái lược về quản trị chất lượng
  - 6.2.1. Khái lược
  - 6.2.2. Nội dung
  - 6.2.3. Quá trình phát triển
- 6.3. Xây dựng hệ thống quản trị định hướng chất lượng

- 6.3.1. Sự cần thiết
- 6.3.2. Triết lý quản trị của bộ ISO 9000
- 6.3.3. Các nguyên tắc quản trị định hướng chất lượng
- 6.3.4. Các yêu cầu quản trị định hướng chất lượng
- 6.3.5. Xây dựng hệ thống quản trị định hướng chất lượng
- 6.4. Một số kỹ thuật quản trị chất lượng
  - 6.4.1. Các giai đoạn quản trị chất lượng
  - 6.4.2. Kỹ thuật xây dựng sơ đồ
  - 6.4.3. Kỹ thuật xây dựng biểu đồ
  - 6.4.4. Một số tiêu chí đánh giá chất lượng

## **CHƯƠNG 7 QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ**

- 7.1. Khái lược
  - 7.1.1. Đặc điểm và ứng xử với tài sản cố định
  - 7.1.2. Công nghệ
  - 7.1.3. Quản trị công nghệ
- 7.2. Quản trị nghiên cứu và phát triển
  - 7.2.1. Các hình thức và quy trình nghiên cứu phát triển
  - 7.2.2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu và phát triển
  - 7.2.3. Tổ chức công tác nghiên cứu và phát triển
  - 7.2.4. Đánh giá dự án nghiên cứu
- 7.3. Lựa chọn đổi mới công nghệ
  - 7.3.1. Lựa chọn công nghệ
  - 7.3.2. Đổi mới công nghệ
- 7.4. Quy phạm quá trình kỹ thuật, tiêu thụ
  - 7.4.1. Quy phạm và quy trình kỹ thuật
  - 7.4.2. Tiêu chuẩn hóa
- 7.5. Bồi dưỡng sửa chữa
  - 7.5.1. Khái lược
  - 7.5.2. Các chế độ bảo dưỡng và sửa chữa
  - 7.5.3. Các hình thức tổ chức hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa
  - 7.5.4. Một số biện pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả bảo dưỡng và sửa chữa

## **CHƯƠNG 8 QUẢN TRỊ CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU**

- 8.1. Khái lược
  - 8.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu
  - 8.1.2. Vị trí của hoạt động cung ứng nguyên vật liệu
  - 8.1.3. Quản trị cung ứng nguyên vật liệu
- 8.2. Xác định các chỉ tiêu cung ứng và dự trữ
  - 8.2.1. Xây dựng kế hoạch cung ứng vật liệu

- 8.2.2. Xác định lượng đặt hàng và dự trữ tối ưu
- 8.2.3. Xác định lượng dự trữ tối thiểu cần thiết
- 8.2.4. Xác định lượng thông báo hay khoảng cách đặt hàng
- 8.3. Lựa chọn người cung cấp
  - 8.3.1. Sự cần thiết
  - 8.3.2. Quan điểm và nhân tố ảnh hưởng
  - 8.3.3. Tìm kiếm và lựa chọn người cấp hàng
- 8.4. Xây dựng quản trị hệ thống kho tàng
  - 8.4.1. Xây dựng hệ thống kho tàng
  - 8.4.2. Quản trị nguyên vật liệu kho
- 8.5. Tổ chức hoạt động vận chuyển
  - 8.5.1. Khái lược
  - 8.5.2. Quản trị hoạt động vận chuyển

## **CHƯƠNG 9 QUẢN TRỊ TIÊU THỤ**

- 9.1. Khái lược
  - 9.1.1. Tiêu thụ sản phẩm
  - 9.1.2. Quản trị tiêu thụ sản phẩm
- 9.2. Nghiên cứu thị trường
  - 9.2.1. Khái lược
  - 9.2.2. Nội dung chủ yếu
  - 9.2.3. Các phương pháp nghiên cứu
  - 9.2.4. Một số kỹ thuật chủ yếu
- 9.3. Xây dựng và quản trị hệ thống kênh phân phối
  - 9.3.1. Xây dựng hệ thống kênh phân phối
  - 9.3.2. Quản trị hệ thống kênh phân phối
- 9.4. Xây dựng chính sách tiêu thụ
  - 9.4.1. Chính sách sản phẩm
  - 9.4.2. Chính sách giá cả
  - 9.4.3. Chính sách xúc tiến
  - 9.4.4. Chính sách phân phối
  - 9.4.5. Chính sách thanh toán
  - 9.4.6. Chính sách phục vụ khách hàng
- 9.5. Xây dựng kế hoạch tiêu thụ
  - 9.5.1. Kế hoạch bán hàng
  - 9.5.2. Kế hoạch Marketing
  - 9.5.3. Kế hoạch chi phí kinh doanh tiêu thụ
- 9.6. Tổ chức bán hàng và dịch vụ sau bán hàng
  - 9.6.1. Thiết kế và trình bày cửa hàng

- 9.6.2. Tổ chức và hoạt động bán hàng
- 9.6.3. Tổ chức hoạt động dịch vụ sau bán hàng

## **CHƯƠNG 10 QUẢN TRỊ CÁC TÀI CHÍNH**

- 10.1. Khái lược về hoạt động tài chính
  - 10.1.1. Các mối quan hệ tài chính doanh nghiệp
  - 10.1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp
- 10.2. Đa dạng hóa nguồn cung ứng vốn
  - 10.2.1. Các nguồn cung ứng vốn của doanh nghiệp
  - 10.2.2. Phương châm và các giải pháp huy động vốn
- 10.3. Hoạt định tài chính
  - 10.3.1. Một số chỉ tiêu cơ sở
  - 10.3.2. Hoạch định dự án đầu tư
  - 10.3.3. Hoạch định tài chính doanh nghiệp
  - 10.3.4. Thiết lập kế hoạch ngân quỹ và khả năng thanh toán
- 10.4. Phân tích tài chính doanh nghiệp
  - 10.4.1. Các chỉ tiêu thường sử dụng trong phân tích tài chính
  - 10.4.2. Phân tích tài chính

## **CHƯƠNG 11 QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI**

- 11.1. Khái lược
  - 11.1.1. Khái niệm
    - 11.1.2. Sự cần thiết phải quản trị sự thay đổi
    - 11.1.3. Các áp lực thúc đẩy và cản trở sự thay đổi
- 11.2. Nội dung chủ yếu
  - 11.2.1. Tiến trình thay đổi
    - 11.2.2. Phát hiện và nghiên cứu sự thay đổi
    - 11.2.3. Hoạch định sự thay đổi
    - 11.2.4. Một số phương pháp vượt qua cản trở sự thay đổi
  - 11.2.5. Tổ chức thực hiện sự thay đổi
- 11.3. Khái lược về sự thay đổi
  - 11.3.1. Một số lý thuyết về thay đổi tổ chức
  - 11.3.2. Các hình thức thay đổi của doanh nghiệp
- 11.4. Quá trình phát triển tổ chức
  - 11.4.1. Khái lược
  - 11.4.2. Các giả định cho sự phát triển tổ chức
  - 11.4.3. Một số can thiệp nhằm phát triển tổ chức

## **CHƯƠNG 12 TÍNH TOÁN KẾT QUẢ VÀ CHI PHÍ**

- 12.1. Khái lược
  - 12.1.1. Bản chất

- 12.1.2. Các bộ phận của tính toán kết quả và chi phí
- 12.2. Các khái niệm cơ sở
  - 12.2.1. Thanh toán thu- thu nhập, thanh toán chi- chi tiêu
  - 12.2.2. Thu nhập- giá trị sản lượng, chi tiêu- chi phí tài chính
  - 12.2.3. Giá trị sản lượng- kết quả, chi phí tài chính- CPKD
- 12.3. Khái lược kế toán tài chính
  - 12.3.1. Cân đối kế toán
  - 12.3.2. Tính kết quả
  - 12.3.3. Lý thuyết về đánh giá và bảo toàn vốn
- 12.4. Khái lược về tính chi phí kinh doanh
  - 12.4.1. Các khái niệm cơ sở
  - 12.4.2. Sự cần thiết khách quan
  - 12.4.3. Bản chất của tính chi phí kinh doanh
  - 12.4.4. Nhiệm vụ của tính chi phí kinh doanh
  - 12.4.5. Nội dung tính toán chủ yếu

## **CHƯƠNG 13 HIỆU QUẢ KINH DOANH**

- 13.1. Bản chất
  - 13.1.1. Khái lược
    - 13.1.2. Sự cần thiết phải tính và nâng cao hiệu quả kinh doanh
- 13.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh
  - 13.2.1. Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh
    - 13.2.2. Tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh
    - 13.2.3. Phân tích hiệu quả kinh doanh
- 13.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh
  - 13.3.1. Các nhân tố bên trong
    - 13.3.2. Nhân tố thuộc môi trường bên ngoài
- 13.4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh
  - 13.4.1. Tăng cường quản trị chiến lược kinh doanh
    - 13.4.2. Lựa chọn quyết định sản xuất kinh doanh có hiệu quả
    - 13.4.3. Phát triển và tạo động lực cho đội ngũ lao động
  - 13.4.4. Hoàn thiện hoạt động quản trị
  - 13.4.5. Phát triển công nghệ kỹ thuật
  - 13.4.6. Tăng cường và mở rộng quan hệ cầu nối giữa doanh nghiệp và xã hội

### **7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:**

| Chương | Tên chương | Số tiết tín chỉ |    |     |      |      |      |
|--------|------------|-----------------|----|-----|------|------|------|
|        |            | Tổng            | Lý | Bài | Thảo | Thực | Khác |



|    |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2  |  | x |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 3  |  |   | x |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 4  |  |   |   | x |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 5  |  |   |   |   | x |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 6  |  |   |   |   |   | x |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 7  |  |   |   |   |   |   | x |   |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 8  |  |   |   |   |   |   |   | x |   |   |   |   |   | x | x | x |
| 9  |  |   |   |   |   |   |   |   | x |   |   |   |   | x | x | x |
| 10 |  |   |   |   |   |   |   |   |   | x |   |   |   | x | x | x |
| 11 |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x |   |   | x | x | x |
| 12 |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x |   | x | x | x |
| 13 |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x | x | x |

## 8. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức các hoạt động, phương pháp xử lý tình huống, phương pháp làm việc nhóm...

## 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.
- Làm bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Đề tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

## 10. Tài liệu phục vụ cho học phần

### 10.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. GS. TS Nguyễn Thành Độ, PGS. TS Nguyễn Ngọc Huyền (2012), *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Phan Thị Phương (chủ biên) (2006), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, NXB Lao động xã hội;

[2]. Đặng Đình Đào (2007), *Giáo trình kinh tế thương mại*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;

[3]. Nguyễn Văn Mạnh (2006), *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;

[4]. Trần Quốc Khánh (2005), *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, NXB Lao động.

## 11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

| TT | Các chỉ tiêu đánh giá                                                                                                                              | Hình thức đánh giá                                         | Trọng số |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | <i>Chuyên cần, thái độ</i><br>- Tham gia trên lớp<br>- Chuẩn bị bài<br>- Tích cực thảo luận                                                        | Quan sát, điểm danh.                                       | 5%       |
| 2  | <i>Kiểm tra thường xuyên</i><br>Tự nghiên cứu:<br>- Nội dung kiến thức 1: Khái lược về quản trị kinh doanh<br>- Nội dung kiến thức 2: Nhà quản trị | - Bài kiểm tra viết<br>- Bài tập<br>- Thuyết trình báo cáo | 35%      |
| 3  | <i>Thi kết thúc học phần</i>                                                                                                                       | Viết hoặc vấn đáp                                          | 60%      |

### Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

| Hình thức đánh giá   | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6 | CĐR7 | CĐR8 | CĐR9 | CĐR10 | CĐR11 | CĐR12 | CĐR13 | CĐR14 | CĐR15 | CĐR16 |
|----------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Quan sát, điểm danh  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |       |       |       | x     |
| Kiểm tra viết        | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x     | x     | x     | x     | x     | x     | x     |
| Thuyết trình báo cáo | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x     | x     | x     | x     | x     | x     | x     |
| Vấn đáp              | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x    | x     | x     | x     | x     | x     | x     | x     |

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**PGS.TS Hoàng Dương Hùng**

**Th.S Phùng Thị Loan**

**Th.S Phan Thị Thu Hiền**

